TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 52/2022/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 05 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 ngày 3 ngày 2022 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị T. Sinh năm 1985. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn A, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Vũ Minh T, sinh năm 1983. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn A, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83, 101 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị T và anh Vũ Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Chị Chu Thị T và anh Vũ Minh T nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung là cháu Vũ Tiến T, sinh ngày 28/8/2007 và cháu Vũ Thảo M, sinh ngày 09/6/2013. Anh chị thỏa thuận: Chị Chu Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Tiến T và cháu Vũ Thảo M đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Vũ Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Tâm được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị T và anh T xác nhận đã tự thỏa thuận xong nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

d. Về án phí: Chị Chu Thị T nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001545 ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được trả lại 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND phường A, thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh